

Số: 26 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 02 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: <u>1123</u>
	Ngày: <u>13.02.17</u>
	Chức: <u>                    </u>

**BÁO CÁO**

**Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần  
Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; số 4373/QĐ-BNV ngày 29/12/2016 về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở Công văn số 42/BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi Báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2016 với các nội dung chính sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi (gửi kèm theo).

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm Bảng tổng hợp kết quả.

Kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP(NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC<sub>mc111</sub>.



Trần Ngọc Căng

**DANH MỤC TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG** **số Cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2016  
 của tỉnh Quảng Ngãi***(Kèm theo Báo cáo số BC-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch theo Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 05/12/2016 và Nghị quyết số 34/2016/NQ/HĐND ngày 14/12/2016 về Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.	
2	BC số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh báo cáo CCHC năm 2016.	
3	BC số 16/BC-SNV ngày 15/3/2016 báo cáo CCHC quý I.	
4	BC số 41/BC-SNV ngày 15/6/2016 báo cáo CCHC 6 tháng.	
5	BC số 64/BC-SNV ngày 15/9/2016 báo cáo quý III.	
6	Quyết định số 548/QĐ-SNV ngày 18/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch thanh tra công tác nội vụ năm 2016 tại các cơ quan, đơn vị: Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Đức Phổ, Lý Sơn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường.	
7	Công văn số 278/SNV-TTTr ngày 24/02/2016 v/v thông báo điều chỉnh KH thanh tra	
8	KL thanh tra số 72/KLTT-SNV ngày 30/8/2016 của SNV tại Sở Giao thông vận tải.	
9	Kết luận thanh tra số 112/KLTT-SNV ngày 08/12/2016 của SNV tại Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm.	
10	Kết luận thanh tra số 115/KLTT-SNV ngày 13/12/2016 của SNV tại UBND huyện Đức Phổ.	
11	Công văn số 1172/SNV-TTTr ngày 25/10/2016 về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.	
12	Công văn số 1173/SNV-TTTr ngày 25/10/2016 về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
13	Công văn số 1174/SNV-TTTr ngày 25/10/2016 về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Lý Sơn.	
14	Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.	
15	Báo cáo số 1052/BC-STTTT ngày 22/12/2016 báo cáo Kết quả công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2016 và nhiệm vụ, kế hoạch tuyên truyền năm 2017	
16	Báo cáo số 294/BC-STP ngày 30/12/2016 của Sở Tư pháp tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2017	
17	Kế hoạch số 1218/KH-UBND ngày 21/3/2016 theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
18	Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016.	
19	Công văn số 5746/UBND-NC ngày 12/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chỉ đạo công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả;	
20	Báo cáo số 290/BC-STP ngày 30/12/2016 Kết luận kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.	
21	Báo cáo số 157/BC-STP ngày 04/8/2015 của Sở Tư pháp về việc Sơ kết tình hình thực hiện Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
22	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2015	
23	Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND các huyện trong tỉnh năm 2016	
24	Quyết định số 16/QĐ-STP ngày 04/02/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Tây Trà.	

STT	Nội dung	Ghi chú
25	Quyết định số 56/QĐ-STP ngày 27/5/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Minh Long.	
26	Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 11/8/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Sơn Tây.	
27	Quyết định số 108/QĐ-STP ngày 26/9/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Trà Bồng.	
28	Quyết định số 162/QĐ-STP ngày 05/12/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Mộ Đức.	
29	Kế hoạch số 721/KH-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, đơn giản hóa kiểm soát thủ tục hành năm 2016.	
30	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
31	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 về việc công bố bộ TTHC chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.	
32	Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc công bố bộ TTHC chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi.	
33	Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc công bố bộ TTHC chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.	
34	QĐ số 2655/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 về việc công bố bộ TTHC chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.	
35	Công văn số 125/STP-KSTTHC ngày 15/3/2016 về việc đề nghị xử lý phản ánh của công dân về kéo dài thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN QSDĐ	
36	Công văn số 596/STP-KSTTHC ngày 31/8/2016 về việc đề nghị xử lý phản ánh của công dân về giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai.	
37	Công văn số 710/STP-KSTTHC ngày 06/11/2016 về việc đề nghị xử lý phản ánh của công dân về chậm giải quyết thủ tục khiếu nại.	
38	Công văn số 797/STP-KSTTHC ngày 04/11/2016 về việc thông báo kết quả xử lý đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn Triêm ở thành phố Quảng Ngãi.	
39	QĐ số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp về quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội; cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh quản lý.	
40	QĐ số 1732/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
41	BC số 04/BC-UBND ngày 06/01/2017 tình hình thực hiện NQ 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
42	Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 06/8/2015 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi.	
43	CV số 1038/SNV-XDCQ ngày 08/7/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc huyện Tư Nghĩa.	
44	CV số 1364/SNV ngày 29/8/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc huyện Tây Trà.	
43	CV số 2008/SNV-XDCQ&CTTN ngày 23/11/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc huyện Lý Sơn.	
44	CV số 2015/SNV-XDCQ&CTTN ngày 23/11/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc thành phố Quảng Ngãi.	
45	CV số 2143/SNV-XDCQ&CTTN ngày 13/12/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc huyện Bình Sơn.	

STT	Nội dung	Ghi chú
46	CV số 2248/SNV-XDCQ&CTTN ngày 27/12/2016 về việc thống nhất tuyển dụng CC cấp xã thuộc huyện Đức Phổ.	
47	QĐ số 1479/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi	
48	QĐ số 1480/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi	
49	QĐ số 2385/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	
50	QĐ số 2386/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi	
51	QĐ số 2387/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi	
52	QĐ số 2451/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi	
53	QĐ số 2452/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi	
54	QĐ số 2453/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi	
55	QĐ số 2454/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	
56	QĐ số 2458/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	
57	QĐ số 2459/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Lao động – Thương và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi	
58	QĐ số 2460/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi	
59	QĐ số 2485/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi	
60	QĐ số 2486/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	
61	QĐ số 2487/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi	
62	QĐ số 2489/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của VP HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
63	QĐ số 2490/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi	
65	QĐ số 2625/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ngãi	
66	QĐ số 2643/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi	
67	CV số 6925/UBND-NC ngày 30/11/2016 về việc thẩm định KH tổ chức thi nâng ngạch và phân bổ chỉ tiêu thi nâng ngạch CC năm 2016	
68	QĐ 2795/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên và tương đương năm 2016.	

STT	Nội dung	Ghi chú
69	Công văn số 2123/SNV-CCVC ngày 08/12/2016 về đăng ký danh sách thi thăng hạng viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước năm 2016-2017.	
70	CV số 2039SNV-CCVC ngày 29/11/2016 về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	
71	CV số 2158/SNV-CCVC ngày 14/12/2016 về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên lên Lưu trữ viên chính năm 2017	
72	QĐ số 1119/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Đô, giữ chức Phó Hiệu trưởng Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm.	
73	QĐ số 1530/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Trần Đình Thám, giữ chức Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Phạm Văn Đồng.	
74	QĐ số 1532/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Đỗ Minh Hải, giữ chức Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.	
75	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Hà Hoàng Việt Phương, giữ chức Giám đốc Sở Giao thông vận tải.	
76	QĐ số 1617/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Trần Phước Hiền, giữ chức Giám đốc Sở Công thương.	
77	QĐ số 1868/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Huy, giữ chức Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh.	
78	QĐ số 1869/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Trung, giữ chức Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.	
79	QĐ số 2222/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Tài, giữ chức Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
80	QĐ số 2788/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Đàm Minh Lễ, giữ chức Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
81	QĐ số 2789/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Hà Đức Thắng, giữ chức Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
82	QĐ số 2790/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm ông Lê Hàn, giữ chức Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	
83	Công văn số 1487/UBND-NC ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh về việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2015.	
84	Báo cáo số 05/BC-SNV ngày 23/01/2017 về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi.	
85	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi năm 2016	
86	Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2016 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.	
87	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cơ sở theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.	
88	Biểu thống kê số lượng, chất lượng công chức cấp xã năm 2016 (Biểu số 04)	
89	Biểu thống kê số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã năm 2016 (Biểu số 02)	
90	Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.	

STT	Nội dung	Ghi chú
91	BC số 43/BC-UBND ngày 31/3/2016 về tình hình triển khai thực hiện NQ số 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử tại tỉnh Quảng Ngãi (Quý I/2016)	
92	BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh kết quả 01 năm thực hiện QĐ 09/2015/QĐ-TTg	
93	CV số 47/STTTT ngày 13/01/2017 về việc báo cáo kết quả thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trong năm 2016 và đăng ký thực hiện trong năm 2017	
94	CV số 502/UBND-KGVX ngày 25/01/2017 về việc phối hợp tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.	
95	CV số 08a/CCTCĐLCL ngày 20/01/2017 về việc báo cáo tình hình áp dụng HT QLCL theo TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động của các CQ HCNN.	
96	QĐ số 406/QĐ-UBND ngày 16/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	
97	QĐ số 496/QĐ-UBND ngày 04/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	
98	QĐ số 1881/QĐ-UBND ngày 27/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.	
99	QĐ số 261/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại UBND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.	
100	QĐ số 1161/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.	
101	QĐ số 1387/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.	
102	QĐ số 217/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà Phê duyệt Đề án bổ sung thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa hiện đại của UBND huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.	
103	QĐ số 640/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.	
104	QĐ số 347/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	
105	QĐ số 459/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.	
106	Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 02/12/2016 về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016, kế hoạch phát triển năm 2017	
107	Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 10/6/2016 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015	
108	Báo cáo số liệu đăng ký doanh nghiệp	

**BẢNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ,  
TIÊU CHÍ THỰC HIỆN PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**



theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH</b>	<b>62,00</b>	<b>54,25</b>	
1	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>8,50</b>	<b>7,50</b>	
1.1	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch <i>Ban hành trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch: (0,5)</i> <i>Ban hành sau Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch: (0)</i>	0,50	0,50	Ban hành Kế hoạch chậm vì phải chờ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 05/12/2016 và Nghị quyết số 34/2016/ NQ/HĐND ngày 14/12/2016 về Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC <i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: (0,5)</i> <i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: (0)</i>	0,50	0,50	Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (1)</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: (0,25)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016
1.2	<b>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ <i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: (1)</i> <i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: (0)</i>	1,00	1,00	Các Báo cáo định kỳ: - số 15/BC-SNV ngày 15/3/2016; - số 41/BC-SNV ngày 15/6/2016; - số 64/BC-SNV ngày 15/9/2016; - số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: (1) Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: (0,5) Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: (0)	1,00	1,00	
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: (1) Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: (0,5) Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: (0)	1,00	1,00	Các thông báo kết luận kiểm tra công tác nội vụ năm 2016, Quyết định số 548/QĐ-SNV ngày 18/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2016; Công văn số 278/SNV-TTr ngày 24/02/2016 v/v thông báo điều chỉnh KH thanh tra; các Thông báo kết luận kiểm tra tại các đơn vị sau thanh tra, kiểm tra.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1) Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5) Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25) Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)	1,00	1,00	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thông qua các kết luận thanh tra tại: Sở Giao thông vận tải. Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, UBND huyện Đức Phổ và các văn bản về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại các Sở: NN&PTNT, TNMT và UBND huyện Lý Sơn.
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền cải cách hành chính</b>	<b>1,50</b>	<b>1,50</b>	
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC Hoàn thành 100% kế hoạch: (0,5) Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: (0,25) Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: (0)	0,50	0,50	Kế hoạch tuyên truyền CCHC: QĐ số 201/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 1052/BC-STTTT ngày 09/12/2016 báo cáo Kết quả công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2016 và nhiệm vụ, kế hoạch tuyên truyền năm 2017



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC  <i>Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: (0,5)</i>  <i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: (0,5)</i>	1,00	1,00	Sở Thông tin và Truyền thông: đã thực hiện 100 pano, khẩu hiệu tuyên truyền về CCHC, tuyên truyền bằng xe lưu động 02 đợt, thời gian 15 ngày dọc các khu đông dân cư của 14 huyện, thành phố; Xuất bản 04 kỳ bản tin cải cách hành chính với số lượng 2000 bản phát hành đến các cơ quan đơn vị, 184 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh... (BC số 1052/BC-TTTT ngày 09/12/2016)
1.5	Sáng kiến trong CCHC  <i>Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm: (1)</i>  <i>Không có sáng kiến: (0)</i>	1,00		
2	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH</b>	<b>7,50</b>	<b>7,50</b>	
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	2,00	2,00	
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt  <i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: (1,5)</i>  <i>Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: (1)</i>  <i>Từ 80% - dưới 90% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: (0,5)</i>  <i>Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: (0)</i>	1,50	1,50	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 bỏ quy định xây dựng chương trình ban hành văn bản QPPL hàng năm. Trong năm 2016, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định kịp thời và đúng tiến độ 118 dự thảo văn bản QPPL và đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh. Qua thẩm định, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 104 văn bản QPPL (41 nghị quyết, 63 quyết định); Báo cáo số 294/BC-STP ngày 30/12/2016 của Sở Tư pháp tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2017
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL  <i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: (0,5)</i>  <i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: (0)</i>	0,50	0,50	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
2.2	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>2,50</b>	<b>2,50</b>	
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (0,1)</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: (0,25)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	1,00	Kế hoạch số 1218/KH-UBND ngày 21/3/2016; Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>	0,50	0,50	Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật <i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	1,00	Công văn số 5746/UBND-NC ngày 12/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chỉ đạo công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Báo cáo số 290/BC-STP ngày 30/12/2016 Kết luận kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.
2.3	<b>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	<b>1,50</b>	<b>1,50</b>	
2.3.1	Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: (0,5)</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Báo cáo số 157/BC-STP ngày 04/8/2015 của Sở Tư pháp về việc Sơ kết tình hình thực hiện Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; việc báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2016 theo quy định của Bộ Tư pháp thì thời gian báo cáo là ngày 15/02/2017.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	1,00	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2015
2.4	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL</b>	<b>1,50</b>	<b>1,50</b>	
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: (0,5)</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Kèm theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND các huyện trong tỉnh năm 2016; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra tại các huyện Trà Bồng, Mộ Đức, Sơn Tây, Minh Long và Tây Trà
2.4.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 294/BC-STP ngày 30/12/2016 của Sở Tư pháp tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2017
3	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>9,00</b>	<b>8,50</b>	
3.1	<b>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (1)</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: (0,25)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	1,00	Kế hoạch số 721/KH-UBND ngày 19/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, đơn giản hóa kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016; Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát <i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Các quyết định công bố bộ thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tư pháp
<b>3.2</b>	<b>Công bố, cập nhật thủ tục hành chính</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
3.2.1	Công bố thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ <i>Công bố đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính và các quy định có liên quan: (1)</i> <i>Cập nhật không đầy đủ hoặc không kịp thời: (0)</i>	1,00	1,00	Các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2017; Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 16/6/2016; Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 19/12/2016.
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia <i>Kịp thời: (1)</i> <i>Không kịp thời: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
<b>3.3</b>	<b>Công khai thủ tục hành chính</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>	
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>100% số cơ quan, đơn vị: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị <i>100% số cơ quan, đơn vị: (1)</i> <i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh <i>100% số TTHC: (1)</i> <i>Dưới 100% số TTHC: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	2,00	1,50	
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh <i>Thực hiện đúng quy định: (1)</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh <i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	0,50	Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Các văn bản xử lý các PAKN: Công văn số 710/STP-KSTTHC ngày 06/10/2016; Công văn số 797/STP-KSTTHC ngày 04/11/2016; Công văn số 125/STP-KSTTHC ngày 15/3/2016; Công văn số 596/STP-KSTTHC ngày 31/8/2016...
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>6,50</b>	<b>6,50</b>	
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy <i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: (1,5)</i> <i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: (0)</i>	1,50	1,50	Tất cả các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đều được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành có liên quan (có các Quyết định kèm theo).
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện	2,00	2,00	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra <i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: (1)</i> <i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: (0,5)</i> <i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: (0)</i>	1,00	1,00	Quyết định số 548/QĐ-SNV ngày 18/12/2015 Phê duyệt Kế hoạch thanh tra công tác nội vụ năm 2016; Công văn số 278/SNV-TTr ngày 24/02/2016 v/v thông báo điều chỉnh KH thanh tra; các Thông báo kết luận kiểm tra tại các đơn vị sau thanh tra, kiểm tra.
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	1,00	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thông qua các kết luận thanh tra tại: Sở Giao thông vận tải, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, UBND huyện Đức Phổ và các văn bản về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại các Sở: NN&PTNT, TNMT và UBND huyện Lý Sơn.
4.3	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành <i>Thực hiện đầy đủ các quy định: (1)</i> <i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: (0)</i>	1,00	1,00	Thực hiện đầy đủ việc phân cấp nhà nước theo đúng quy định (Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016; QĐ số 1732/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 và các văn bản triển khai thực hiện kèm theo; Báo cáo số 19-BC/BCS ngày 18/02/2016 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tổng kết thực hiện Kết luận số 135-KL/TU ngày 08/12/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 (khóa XVIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015; BC số 04/BC-UBND ngày 06/01/2017 tình hình thực hiện NQ 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã <i>Có thực hiện: (1)</i> <i>Không thực hiện: (0)</i>	1,00	1,00	Các thông báo kết luận kiểm tra công tác nội vụ, Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 06/01/2017 tình hình thực hiện NQ 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (1)</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0)</i>	1,00	1,00	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thông qua các kết luận thanh tra tại: Sở Giao thông vận tải, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, UBND huyện Đức Phổ và các văn bản về việc thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra công tác nội vụ tại các Sở: NN&PTNT, TNMT và UBND huyện Lý Sơn.
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>9,50</b>	<b>8,50</b>	
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, tổ chức: (1)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: (0,5)</i> <i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: (0,25)</i> <i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: (0)</i>	1,00	1,00	100% số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (Các Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức)
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>100% số đơn vị: (1)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 60% số đơn vị: (0)</i>	1,00	1,00	Tỉnh đã xây dựng xong Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và trình Bộ Nội vụ thẩm định tại Tờ trình số 87/TT-UBND ngày 06/8/2015.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
5.2	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>	1,00	1,00	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định (có các văn bản kèm theo)
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định (có các văn bản kèm theo)
5.3	<b>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</b>	1,00	1,00	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	CV số 6925/UBND-NC ngày 30/11/2016 về việc thẩm định KH tổ chức thi nâng ngạch và phân bổ chỉ tiêu thi nâng ngạch CC năm 2016; QĐ 2795/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên và tương đương năm 2016.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Công văn số 2123/SNV-CCVC ngày 08/12/2016 về đăng ký danh sách thi thăng hạng viên chức...; CV số 2039/SNV-CCVC ngày 29/11/2016, CV số 2158/SNV-CCVC ngày 14/12/2016 về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp...
5.4	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương</b> <i>100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định:(1)</i> <i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định:(0)</i>	1,00	1,00	11 quyết định bổ nhiệm CCVC ở các cơ quan, đơn vị: Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, Trường ĐH Phạm Văn Đồng; và các Sở: GTVT, TNMT, Công thương; BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; Văn phòng UBND tỉnh



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại công chức, viên chức <i>Đúng quy định: (1)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Thực hiện đúng quy định (Công văn số 1487/UBND-NC ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh)
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (1)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	0,50	Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 và kết quả tinh giản biên chế hoàn thành trên 70% kế hoạch
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,50	1,50	
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (Báo cáo số 05/BC-SNV ngày 23/01/2017);
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (1)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	1,00	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 của tỉnh
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1,50	1,00	
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: (0)</i>	0,50	0,25	Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 và Biểu thống kê số lượng, chất lượng công chức cấp xã năm 2016 (Biểu số 04)
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: (0)</i>	0,50	0,25	Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 và Biểu thống kê số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã năm 2016 (Biểu số 02)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
5.8.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm <i>Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: (0,5)</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số cán bộ, công chức: (0,25)</i> <i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: (0)</i>	0,50	0,50	Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 và Quyết định 1637/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 của tỉnh
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>4,00</b>	<b>3,50</b>	
6.1	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</b> <i>Đúng quy định: (1)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo tình hình thực hiện ND số 130/2005/ND-CP và ND số 43/2006/ND-CP đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ngãi, năm 2016; BC số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh báo cáo CCHC năm 2016
6.2	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</b>	3,00	2,50	
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm <i>100% số đơn vị: (1)</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo tình hình thực hiện ND số 130/2005/ND-CP và ND số 117/2013/ND-CP đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ngãi, năm 2016; BC số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh báo cáo CCHC năm 2016
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên <i>Số đơn vị tăng so với năm trước: 1</i> <i>Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0</i>	1,00	1,00	
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp <i>100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: (0,5)</i> <i>Từ 80% - 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: (0)</i>	0,50	0,00	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm <i>100% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: (0)</i>	0,50	0,50	100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính và kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên hàng năm; Báo cáo quyết toán hàng quý, năm
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>9,00</b>	<b>6,00</b>	
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>4,00</b>	<b>3,00</b>	
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: (1)</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (0,5)</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: (0,25)</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: (0)</i>	1,00	1,00	Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; Không có báo cáo năm, chỉ So sánh thực hiện đến năm 2016 với các nội dung, chỉ tiêu được đề ra trong Kế hoạch
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh <i>Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: (1)</i> <i>Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: (0,5)</i> <i>Chưa ban hành Kiến trúc: (0)</i>	1,00	0,00	Chưa thực hiện
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử <i>Từ 80% số văn bản trở lên: (1)</i> <i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản: (0,5)</i> <i>Từ 50% - dưới 60% số văn bản: (0,25)</i> <i>Dưới 50% số văn bản: (0)</i>	1,00	1,00	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã) <i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: (1)</i> <i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: (0,5)</i> <i>Chưa thực hiện kết nối liên thông: (0)</i>	1,00	1,00	Báo cáo số 43/BC-UBND ngày 31/3/2016 về việc tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP.
<b>7.2.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>3,50</b>	<b>2,50</b>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 <i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: (1,5)</i> <i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: (1)</i> <i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: (0,5)</i> <i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: (0)</i>	1,50	1,00	(BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh) Công văn số 47/STTTT ngày 13/01/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 <i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: (1,5)</i> <i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: (1)</i> <i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: (0,5)</i> <i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: (0)</i>	1,50	1,00	(BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh) Công văn số 47/STTTT ngày 13/01/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích <i>Đúng quy định: (0,5)</i> <i>Không đúng quy định: (0)</i>	0,50	0,50	Công văn số 502/UBND-KGVX ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh về việc phối hợp tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích. Đã áp dụng tại Sở GT&VT, Công an tỉnh, Sở Tư pháp.
7.3	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008</b>	<b>1,50</b>	<b>0,50</b>	
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 <i>100% số cơ quan, đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: (0)</i>	0,50	0,00	Có 26/47 cơ quan, đơn vị công bố đạt 55,3%
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 <i>Từ 70% số đơn vị trở lên: (0,5)</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 50% số đơn vị: (0)</i>	0,50	0,00	Chưa có đơn vị hành chính cấp xã công bố

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định <i>100% số cơ quan, đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: (0)</i>	0,50	0,50	Có 31/31 cơ quan, đơn vị duy trì việc áp dụng đạt 100%, trong đó: Có 28 cơ quan áp dụng duy trì trước năm 2016; Năm 2016, có 03 cơ quan mới duy trì việc áp dụng: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Chi cục Bảo vệ môi trường (Báo cáo số 08a/CCTCĐLCL ngày 20/01/2017).
8	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	8,00	6,25	
8.1	<b>TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	5,50	5,00	
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa <i>100% số TTHC: (1)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC: (0,5)</i> <i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC: (0,25)</i> <i>Dưới 70% số TTHC: (0)</i>	1,00	1,00	Về TTHC ở cấp tỉnh được giải quyết 100% theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh)
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa <i>100% số đơn vị: (1,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: (1)</i> <i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Dưới 60% số đơn vị: (0)</i>	1,50	1,50	Có 14/14 (đạt 100%) huyện, thành phố triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh).
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (không tính các xã thuộc huyện đảo) <i>100% số đơn vị: (1,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: (1)</i> <i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Dưới 60% số đơn vị: (0)</i>	1,50	1,00	Có 172/181 (không tính huyện đảo Lý Sơn) (đạt 95%) đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông <i>Từ 50 TTHC trở lên: (1,5)</i> <i>Từ 30 - 49 TTHC: (1)</i> <i>Từ 20 - 29 TTHC: (0,5đ)</i> <i>Dưới 20 TTHC: (0)</i>	1,50	1,50	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông đạt trên 50 TT (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh)
8.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại <i>100% số đơn vị: (1)</i> <i>Từ 50% - dưới 100% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Dưới 50% số đơn vị: (0)</i>	1,00	0,50	Có 09/14 huyện, thành phố có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại (BC số 352/BC-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh)
8.3	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	1,50	0,75	
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn <i>100% số cơ quan: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số cơ quan: (0)</i>	0,50	0,25	Số cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng hạn trên 90% số cơ quan (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh)
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn <i>100% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số đơn vị: (0)</i>	0,50	0,25	Số đơn vị hành chính cấp huyện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng hạn trên 90% số đơn vị (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh)
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn <i>100% số đơn vị: (0,5)</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: (0,25)</i> <i>Dưới 80% số đơn vị: (0)</i>	0,50	0,25	Số đơn vị hành chính cấp xã giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng hạn trên 90% số đơn vị (BC số 132/BC-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
II	<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>3,00</b>	<b>2,50</b>	
1	<b>Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</b>	<b>3,00</b>	<b>2,50</b>	
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh <i>Cao hơn so với năm trước liền kề: 1,5</i> <i>Bằng so với năm trước liền kề: 1</i> <i>Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0</i>	1,50	1,50	Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 02/12/2016 về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016, kế hoạch phát triển năm 2017 và Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 10/6/2016 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm <i>Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5</i> <i>Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1</i> <i>Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0</i>	1,50	1,00	Báo cáo số liệu đăng ký kinh doanh
		<b>Tổng điểm tối đa</b>	<b>Điểm đạt được</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>
	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>65,00</b>	<b>56,75</b>	